

NGUỒN SỬ LIỆU CHỮ VIẾT Ở VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

TRẦN KIM ĐÌNH

Đại học KHXH và NV - ĐHQGHN

I. VẤN ĐỀ PHÂN LOẠI SỬ LIỆU CHỮ VIẾT NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX tồn tại ba loại chữ viết: chữ Hán Nôm, chữ Pháp và chữ Quốc ngữ (chữ Việt). Các nguồn sử liệu cũng hình thành từ ba loại văn bản đó. Mỗi loại có đặc điểm, tính chất khác nhau.

Mục tiêu quan trọng nhất của phân loại sử liệu là *xử lý thông tin lịch sử từ sử liệu*. Do vậy, khi nghiên cứu sử liệu chữ viết ở Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX, chúng tôi *phân loại sử liệu theo nguồn gốc hình thành của nó*.

Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Trong quá trình xâm lược và bình định, thực dân Pháp không đập tan bộ máy chính quyền Nhà nước phong kiến, mà từng bước khuất phục, củng cố, và sử dụng nó làm công cụ thống trị, làm cơ sở cho sự tồn tại của chúng ở Việt Nam. Chính quyền phong kiến nhà Nguyễn vẫn tồn tại từ trung ương đến địa phương, nhưng bị thu hẹp, giới hạn quyền lực và lệ thuộc vào Pháp. Sự hoạt động của chính quyền phong kiến Nguyễn hình thành hệ thống *văn bản Hán Nôm*. Dĩ nhiên, văn bản Hán Nôm được hình thành từ nhiều nguồn gốc, dưới nhiều hình thức, nó chứa đựng những thông tin về lịch sử dân tộc ta ở nửa cuối thế kỷ XIX.

Người ta có thể chia hệ thống văn bản Hán Nôm thành ba loại: a) Văn bản viết tay (thường là bằng bút lông, tầm mực và son) trên giấy bản, trên lụa vải v.v.. b) Các văn bản được khắc (bằng dao, đục) trên đá, đồng, gốm, gỗ, v.v.. c) Các văn bản được in ra trên giấy lụa, vải... từ những khuôn in là những tấm ván đã bào nhẵn và khắc chữ ngược lên đó (bằng dao, đục) [1].

Văn bản in và từ con dấu, triện, ấn... chữ đúc trên tiền, câu đối ghép bằng mảnh sứ đá trên trụ xây v.v..

Thực dân Pháp thiết lập *hệ thống chính quyền thuộc địa ở Việt Nam*, mốc mở đầu vào năm 1862 ở ba tỉnh miền Đông Nam kỳ và kết thúc vào năm 1884, khi mà chính quyền thuộc địa đã thực sự ra đời trên quy mô cả nước Việt Nam [2]. Chữ Pháp được dạy trong trường học Hệ thống văn bản bằng chữ Pháp cũng hình thành ngày càng nhiều.

Sau khi chiếm được các tỉnh Nam Kỳ, thực dân Pháp vì muốn "cắt đứt liên lạc văn hóa giữa người Việt và người Tàu, với quá khứ Việt Nam nặng về Hán học" [3]... nên họ chú trọng truyền bá chữ Pháp và mở rộng chữ Việt (chữ Quốc Ngữ). Hệ thống trường Pháp Việt ra đời vào năm 1861, văn bản chữ Việt hình thành và bước đầu phát triển. (Văn bản chữ Việt đã có trong sử liệu Việt Nam từ thế kỷ XVII).

II. NGUỒN SỬ LIỆU CHỮ VIẾT NỬA CUỐI THẾ KỶ XIX

II.1. Nguồn sử-liệu hình thành trong hệ thống chính quyền các cấp

II.1.1. Nguồn sử liệu chữ Hán nôm:

- Hệ thống văn bản do Vua ban hành: Chiếu, sắc, dụ, chỉ, điều lệ....
- Hệ thống văn bản do các cơ quan trung ương, địa phương, dùng để tâu báo, tường trình: Sớ, tấu, biểu, điều trần....
- Hệ thống văn bản hình thành trong hoạt động của các cơ quan chuyên môn: tài chính, thuế khóa, quân sự v.v..
- Hệ thống sổ sách theo dõi và làm chuẩn định cho các hoạt động của bộ máy chính quyền: Địa bạ, sổ lý lịch, sổ duyệt tuyển, ngọc điệp, tôn phả, sổ thuế, hương ước....

Nguồn sử liệu này được tập hợp trong một số bộ chính sử của triều Nguyễn (sẽ trình bày ở phần sau), đặc biệt triều Nguyễn đã soạn sách: Đại Nam hội điển sử lệ, tập hợp các chiếu chỉ, tấu dụ, điển chương chế độ) của triều Nguyễn. Chính quyền Nguyễn về thực chất bị thu hẹp quyền lực ở Trung kỳ, còn ở Bắc kỳ có Kinh lược xứ Bắc kỳ. Đại diện cho chính phủ Nam triều ở miền Bắc (từ 1886 đến 1897). Do vậy có một hệ thống văn bản bằng chữ Hán Nôm của Kinh lược xứ Bắc kỳ.

II.1.2. Nguồn sử liệu chữ Pháp:

Hệ thống chính quyền thuộc địa Pháp ở Việt Nam được xác lập, hình thành hệ thống văn bản bằng chữ Pháp. Nhiều người Việt Nam đã học chữ Pháp để làm việc trong các cơ quan của Pháp.

Thực dân Pháp ngày càng can thiệp sâu vào hệ thống tổ chức chính quyền Nguyễn từ trung ương đến địa phương. Ở đâu chính quyền thuộc địa được xác lập thì ở đó chế độ **Thuộc địa nửa phong kiến** cũng ra đời (ba tỉnh miền Đông - Lục tỉnh 1862; toàn bộ đất nước Việt Nam 1884).

Nguồn sử liệu hình thành từ hệ thống văn bản bằng chữ Pháp rất phong phú, đa dạng:

+ *Hiệp ước*: Ví dụ:

Hiệp ước 5-6-1862. Pháp và Tây Ban Nha ký hiệp ước với triều đình Huế tại Gia Định, buộc triều đình Huế cắt nhượng ba tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và Côn Đảo cho Pháp, bồi thường chiến phí cho Pháp, bãi bỏ lệnh cấm đạo...

Hiệp ước 15-3-1874: Pháp ký với triều đình Huế tại Sài Gòn: Pháp chiếm đóng và cai trị toàn bộ lục tỉnh....

Hiệp ước 25.8.1883: Pháp ký với triều đình Huế tại Huế: Chia cắt Việt Nam thành ba kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ đặt dưới sự "bảo hộ" của Pháp, Nam Kỳ là xứ thuộc địa của Pháp.

+ *Tối hậu thư*: Ví dụ: Ngày 12 và 19-11-1873 Pháp gửi tối hậu thư buộc tổng đốc Nguyễn Tri Phương hạ khí giới và giao nộp thành.

+ *Sắc lệnh, Nghị định*: Ví dụ:

- Sắc lệnh ngày 3-2-1886 của Tổng thống Pháp thiết lập Tòa khâm sứ Trung kỳ (Résidence Supérieure de L'annam).

- Nghị định của toàn quyền Đông dương ngày 10-2-1894 thành lập Phòng canh nông Bắc kỳ (Chambre à agriculture du Tonkin) - *kế hoạch, chương trình, báo cáo, thông báo...* và nhiều nguồn sử liệu khác....

II.2. Nguồn sử liệu hình thành từ các hoạt động của các tổ chức quần chúng, tôn giáo, đảng phái

Nguồn sử liệu này bao gồm hệ thống văn bản bằng chữ Hán, chữ Pháp và chữ Việt.

II.2.1. Nguồn sử liệu bằng chữ Pháp, chữ Việt (Quốc ngữ): Bao gồm những đơn từ của nhân dân gửi các cấp chính quyền, những tài liệu của các hội như: Hội Trí tri (Société d'enseignement mutuel): Hội của những trí thức học tiếng Pháp lập ra năm 1892 tại Hà Nội, và tài liệu của các hội truyền giáo, hệ thống giáo trình dạy học bằng chữ Pháp v.v.... Văn bản chữ Việt chủ yếu xuất hiện ở Nam Kỳ, nơi hệ thống dạy chữ quốc ngữ đã hình thành từ cuối thế kỷ XIX.

II.2.2. Hệ thống văn bản Hán nôm được in dập trên giấy, khắc trên gỗ, đá, đồng, đắp nổi trên tường v.v.. Nguồn *văn khắc* này tập trung ở: Đình, Chùa, Đền-Miếu, Văn chi-Vũ chi, Từ đường, Lăng mộ, Cầu, Chợ, Vách núi.... Hệ thống văn khắc này tồn tại ở các nơi sinh hoạt công cộng (trong cộng đồng làng xã, phố, phường...), nó gắn liền với những di tích lịch sử và văn hóa. Hệ thống văn khắc trên những nguyên liệu rắn (đá, đồng) đòi hỏi tính công phu, và nó mang một chức năng đặc biệt phản ánh nhiều nội dung phong phú của lịch sử dân tộc. Dưới triều Nguyễn, hệ thống văn khắc này đặc biệt phát triển. Ngày nay, chúng ta giữ được nguồn sử liệu loại này chủ yếu là của triều Nguyễn. Ví dụ: Theo một số liệu thống kê: Trong tổng số 340 bia đá được tìm thấy ở huyện Mỹ Lộc (Nam Định) theo niên đại được dựng từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XX, trong đó có 262 bia được dựng dưới thời Nguyễn. Trong số bia thời Nguyễn riêng những bia được dựng dưới triều các vua Tự Đức, Thành Thái, Bảo Đại là 176 bia [4].

Văn khắc Hán Nôm được khắc trên những bia đá, chuông, khánh, đồng v.v... Câu đối gỗ, với mục đích:

- Bảo tồn lâu dài, lưu giữ những nội dung thông báo: ghi nhớ công đức, lời nhắc nhở, đánh dấu một sự kiện lịch sử.
- Ghi lại những bằng cứ, những điều lấy làm chuẩn mực, đó là những quy định của làng xã, giao kèo, khoán ước,....
- Đề mọi người được biết, đề thông báo rộng rãi, những điều tốt cần phát huy, điều quy định phải tuân theo.... [5].

II.3. Hệ thống sách, báo

II.3.1. Chữ Hán-nôm:

a. Triều Nguyễn là vương triều phong kiến cuối cùng ở Việt Nam, và cũng là vương triều rất quan tâm đến việc biên soạn lịch sử dân tộc, lịch sử vương triều. Quốc sử quán triều Nguyễn thành lập và củng cố, phát triển năm 1841, đã biên soạn được nhiều sách có giá trị.

- Quốc sử quán triều Nguyễn: lưu giữ các văn bản của triều (sau khi đã ban hành - coi đó là nguồn sử liệu). Tập hợp các nguồn sử liệu từ các địa phương gửi về (khi các Vua triều Nguyễn nhiều lần ra chỉ dụ cho các địa phương giữ sách vở, tài liệu về triều, ai gửi về đều được thưởng), và làm nhiệm vụ biên soạn lịch sử vương triều và quốc sử. Những sách sử Quốc sử quán đã biên soạn trong nửa cuối thế kỷ XIX gồm có:

- *Khám định Việt sử thông giám cương mục* bắt đầu biên soạn 1856, hoàn thành 1884.
- *Dại Nam thực lục*: Đây là bộ lịch sử vương triều Nguyễn - bộ Thực lục lớn nhất trong lịch sử sử học Việt Nam. Thực lục tiền biên, Thực lục chính biên đệ nhất kỷ biên soạn và in nửa đầu thế kỷ XIX. *Thực lục tiền biên đệ nhị kỷ* biên soạn từ 1841 đến năm 1861, chép sử triều Nguyễn

từ 1820 đến 1840. *Thực lục đệ tam kỳ* biên soạn từ 1849 đến 1877, chép sử triều Nguyễn đời Thiệu Trị (1841-1847). *Thực lục đệ tứ kỳ* biên soạn xong năm 1894, đến 1899 khắc in, chép sử triều Nguyễn đời Tự Đức (1847-1883).

- *Đại Nam liệt truyện*: biên khảo về từng nhân vật dưới mỗi đời vua, bắt đầu biên soạn từ 1884, đến cuối thế kỷ XIX mới xong *Đại Nam liệt truyện chính biên nhì tập*.

- *Đại Nam nhất thống chí*: Sách biên khảo về địa lý học lịch sử, của tất cả các địa phương trong cả nước, biên soạn từ 1865 đến 1882.

Ngoài những bộ sách trên, triều Nguyễn còn biên soạn "*Đại Nam hội điển sự lệ*" - một công trình tập hợp điển chương, chế độ đã thi hành ở triều Nguyễn. Đó là nguồn sử liệu quý về lịch sử Việt nam thế kỷ XIX. Sách do hơn 200 người tham gia đứng đầu là Thượng thư các bộ. Sách được biên soạn từ 1843 đến 1851.

b. Ngoài những tác phẩm sử học do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn - đại diện cho dòng sử chính thống, thời kỳ này có nhiều nhà sử học hoạt động đơn lẻ, tự mình biên khảo và viết sách. Trong những cuốn sách đó, các tác giả đã bổ sung nhiều nguồn sử liệu sưu tầm từ các gia phả, tài liệu ở các địa phương. Có thể kể một số cuốn sách đó là:

- Vũ Văn Lập: *Nam sử tập biên*, năm 1896.
- Nguyễn Đức Đạt (1823-1887): *Việt sử thặng bình*, năm 1881.
- Trần Văn Vi: *Lê sử toán yếu*, năm 1849.
- Nguyễn Thông (1827-1894): *Việt sử cương giám khảo lược*, năm 1887.
- Lê Ngổ Cát (1827).
- Phạm Đình Toái viết: *Đại Nam quốc sử diễn ca*, in năm 1870.

-

Một số công trình địa lý và lịch sử địa phương cũng đã được biên soạn:

- Nguyễn Văn Siêu và Bùi Qũy Viết: *Đại Việt địa dư toàn biên*, in năm 1900.
- Bùi Dương Lịch viết: *Nghệ An ký*. Sách viết vào cuối thế kỷ XVIII, nhưng được in vào giữa thế kỷ XIX (đời Tự Đức).
- Nhữ Bá Sĩ (1788-1867) viết: *Thanh Hóa tỉnh chí*.

Ngoài ra còn một số sách chuyên khảo về lịch sử quân sự, về khoa cử, luật pháp v.v... Chúng tôi sẽ lập bảng thư mục bổ sung và phân tích cụ thể.

c. Về báo chữ Hán Việt: Thực dân Pháp sau khi chiếm Bắc kỳ đã cho một số tư nhân người Pháp lập tờ báo bằng chữ Hán:

- Báo hộ Nam dân: *Phát hành tại Hải Phòng năm 1888*.
- *Đại Nam đồng văn nhật báo*. *Phát hành tại Hà Nội từ 1893 (đến năm 1907 đổi thành Đăng cổ tùng báo)*.

II.3.2. Chữ Pháp:

Sách báo chữ Pháp thời kỳ này khá phong phú. Chúng tôi tạm phân loại như sau:

a. *Sách, tạp chí tuyển chọn công bố những văn bản gốc:*

Ví dụ: - **Tổng tập những văn bản liên quan đến vấn đề tổ chức và quy chế của Đông Dương**

(Recueil général des actes relatif à l'organisation et à la réglementation de L'Indochine).

- Những Hiệp ước, Quy ước, Hiệp định ký kết giữa Việt Nam và Pháp (1787-1946) (Traité, Conventions, Accords passés entre le Vietnam et la France 1787-1946).

- Tổng niên giám hành chính thương mại và công nghệ Đông Dương (Annuaire General administratif, commercial et industriel de l'Indochine).

- Tập san hành chính Trung kỳ (Bulletin Administratif de L'Annam).

- Tập san hành chính Bắc kỳ (Bulletin Administratif du Tonkin).

- Công báo xứ Đông Dương (Journal Officiel de L'Indochine)....

b. *Sách, hồi ký, chuyên khảo của các sĩ quan, viên chức thực dân các cấp đã từng tham gia trong quân đội đánh chiếm Việt Nam hoặc trực tiếp làm việc trong bộ máy cai trị Việt Nam.*

Ví dụ: Pôlanh-Vian: - Những năm đầu của xứ Nam kỳ. (Paulin Vian - Les premières années de la Cochinchine. Paris, 1874).

J. L. Đờ Lanéxăng - Công cuộc thực dân của người Pháp ở Đông Dương (J. L. De Lanessan: La colonisation Française en Indochine. Paris, 1895)....

c. *Những công trình nghiên cứu của các học giả người Pháp viết về lịch sử Việt Nam giai đoạn này (có giới thiệu ở phần sau).*

d. *Báo chí của người Pháp xuất bản tại Việt Nam:*

- Ngay khi thiết lập sự cai trị ở Nam kỳ, thực dân Pháp đã cho phát hành tờ báo đầu tiên ở Nam kỳ bằng chữ Pháp năm 1861: Le Bulletin officiel de la Cochinchine (Nam kỳ viễn chinh công báo).

- Năm 1864 tờ Le Courrier de Saigon (Saigon thời báo) ra đời. Cho đến cuối thế kỷ, tại Saigon đã xuất hiện hơn chục tờ báo các loại bằng chữ Pháp do người Pháp phát hành.

- Ở miền Bắc, năm 1883, tờ báo chữ Pháp đầu tiên xuất bản là: Le bulletin du Comité d'Etudes Agricoles, Industrielles et commerciales de L'Annam et du Tonkin (Công báo của Ủy ban nghiên cứu công nông thương nghiệp Trung kỳ, Bắc kỳ). Sau đó một số tờ báo khác cũng liên tiếp phát hành như: Avenir du Tonkin (tương lai của Bắc kỳ), Le Courrier de Hải Phòng (Tin tức Hải Phòng).

II.3.3. Chữ Việt:

Năm 1865, người Pháp đã cho phát hành tờ báo chữ Việt (Quốc ngữ) đầu tiên tại Gia Định - tờ *Gia Định báo*. Tờ báo này lưu hành chủ yếu ở ba tỉnh miền Đông. Trương Vĩnh Ký (1837-1898), Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) là những cây bút chủ yếu của tờ báo này.

Năm 1868 tờ báo tiếng Việt thứ hai ra đời - tờ *Phan Yên báo* - cũng phát hành tại Gia Định.

III. NHẬN XÉT

1. Đã có nhiều công trình của các học giả Việt Nam và nước ngoài nghiên cứu về lịch sử Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XIX. Trong các công trình đó, các tác giả đã công bố nhiều nguồn sử liệu quan trọng. Vấn đề này, chúng tôi sẽ công bố trong một công trình khác.

2. Nguồn sử liệu thành văn giai đoạn này khá phong phú, chứa đựng những nội dung thông tin toàn diện về mọi lĩnh vực đời sống xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX. Về cơ bản, nguồn sử

liệu này còn được lưu giữ trong các cơ quan chức năng, có điều kiện bảo quản và tiện khai thác. Nhiều tài liệu Hán Nôm đã được dịch, giới thiệu rộng rãi. Song, để có được một hệ thống sử liệu lịch sử Việt Nam giai đoạn này, đòi hỏi phải tập trung một đội ngũ cán bộ liên ngành và phải có đầu tư thích đáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. NXB KHXH, Hà Nội, 1993, Tr. 15.
2. Dương Kinh Quốc - Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng tháng Tám 1945. NXB KHXH, Hà Nội, 1988. Tr. 240.
3. Phạm Thế Ngũ - Việt Nam văn học sử. Sài Gòn, 1965, Tr. 66.
4. Viện nghiên cứu Hán Nôm. Một số vấn đề văn bản học Hán Nôm. NXB KHXH, Hà Nội 1983, Tr. 378.
5. Văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Sdd, Tr. 16.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC. SCI., t.XI, n^o2, 1995

WRITTEN MATERIAL AS A HISTORICAL SOURCE FOR UNDERSTANDING VIETNAM IN THE SECOND HALF OF THE 19TH CENTURY

TRAN KIM DINH

College of Soc. Si. and Humanities - VNU

There existed 3 kinds of written languages in Vietnam in the second half of the 19th century: Han-Nom (Sino-Viet), French and Quốc Ngữ (national language). Number of studies have introduced these historical documents or used them for their studies on the second half of the 19th century. However, there have not been any efforts to re-examine, analyse or classify systematically these written material.

Regarding the written materials which occurred in the second half of the Vietnam 19th century as an important historical source, this paper focuses on their development and features and suggests a way to classify them in order to serve different studies on this complicated period of Vietnam history.

The paper also provides an access to exploit these documents.